

Ý NGHĨA CỦA ĐIỀU TRA PCI ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH QUỐC GIA: CÁC YÊU CẦU VỀ CẢI CÁCH THỂ CHẾ VÀ PHÁP LUẬT KINH DOANH ĐỂ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH TRONG MÔI TRƯỜNG HẬU WTO

Người trình bày

Dự án Nâng cao năng lực Cạnh tranh Việt Nam¹

I. TÓM TẮT:

Tài liệu phân tích cấp ‘quốc gia’ về số liệu điều tra Chỉ số Cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) nhằm hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách quốc gia và các nhà quản lý khu vực kinh tế tư nhân trong việc tiếp tục hợp tác nâng cao khả năng điều hành kinh tế và năng lực cạnh tranh kinh doanh giữa các tỉnh. Thông qua việc chỉ ra những mối liên hệ quan trọng giữa các chương trình cải cách ở cấp tỉnh và cấp quốc gia nhằm tạo dựng một môi trường cạnh tranh năng động, tài liệu này nhằm phục vụ cho các cuộc đối thoại ở cấp quốc gia về năng lực cạnh tranh kinh tế. Tài liệu này cũng kêu gọi các đại diện chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp đóng góp ý tưởng, ý kiến phản hồi và tư vấn cho Dự án Nâng cao Năng lực cạnh tranh Việt Nam (VNCI) để tạo ra sự thu hút, tập trung của toàn quốc đối với vấn đề năng lực cạnh tranh quốc gia.

PCI được VNCI và Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam xây dựng và công bố trong năm 2005 và 2006 để đánh giá và xếp hạng các cơ quan chính quyền địa phương theo năng lực điều hành kinh tế để phát triển kinh doanh, không tính tới sự khác biệt về điều kiện hạ tầng tự nhiên và xã hội giữa các tỉnh. PCI 2006 được tiến hành với tất cả 64 tỉnh, thành phố và dựa trên phản hồi của 6.379 doanh nghiệp Việt Nam.

Kết quả điều tra PCI minh chứng rằng các tỉnh đang phải đối mặt với một số vấn đề chung về điều hành kinh tế mà bản thân các tỉnh không thể giải quyết được ở cấp độ địa phương. Việc khắc phục những vấn đề này đòi hỏi các động thái và nỗ lực ở cấp quốc gia. Một kết luận quan trọng rút ra từ dữ liệu tổng hợp² là các quy định nặng nề về kinh doanh đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng tăng trưởng, tạo công ăn việc làm và tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp. Các yêu cầu luật pháp về kinh doanh mà doanh nghiệp đang phải tuân thủ tại địa phương bị áp đặt từ các quy định và luật pháp quốc gia (luật, nghị định, thông tư, các quyết định) và việc áp dụng hàng ngày các luật, quy định đó tại địa phương.

Các khuyến nghị sơ bộ nhằm tạo ra một khung pháp lý và thể chế ở cấp quốc gia để nâng cao việc điều hành kinh tế và tính cạnh tranh giữa các tỉnh bao gồm:

- **Thực hiện cải cách thể chế:** trong khuôn khổ của Kế hoạch Tổng thể về Đơn giản hóa các Thủ tục trong Quản lý Nhà nước, cần thực hiện cải cách thể chế một cách rộng rãi và quyết liệt trong vòng một năm để đơn giản hóa và hợp lý hóa các thủ tục hành chính, các hình thức và yêu cầu kinh doanh nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh chi phí thấp, ít rủi ro để thu hút đầu tư và khuyến khích doanh nghiệp trong nước. Chi phí và rủi ro cao của các quy định phiền toái đã làm bành trướng khu vực kinh tế không chính thức và làm suy yếu các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế WTO đang không ngừng gia tăng tính cạnh tranh về mặt chi phí. Việc đơn giản hóa có thể đạt được trong vòng một năm thông qua công cụ gọi là ‘Máy xén chính sách’³ - một công cụ giúp tăng tính minh bạch và loại bỏ sự tùy tiện áp dụng ý chí cá nhân trong việc thực thi các thủ tục và yêu cầu.

- **Giới thiệu quy trình đánh giá tác động của các quy định pháp luật (RIA):** Sửa đổi Luật Ban hành Văn bản Quy phạm Pháp luật, theo đó yêu cầu phải áp dụng RIA để phân tích chi phí/lợi ích kinh tế và tác động có thể có của các văn bản pháp quy dự kiến ban hành đối với các hoạt động kinh tế và kinh doanh. Sáng kiến này có thể được áp dụng thí điểm trong ngắn hạn và tiếp theo bằng quá trình xây dựng năng lực cho các bộ và chính quyền trung ương nhằm giúp các cơ quan này có một hệ thống hoạch định chính sách hiện đại.
- **Phát hành trái phiếu công trình không có bảo lãnh ở cấp địa phương:** Xây dựng khuôn khổ pháp lý cho việc phát hành trái phiếu công trình không có bảo lãnh ở cấp địa phương để các tỉnh có nguồn tài chính phục vụ nhu cầu đầu tư trên 100 tỷ đôla vào cơ sở hạ tầng và các dịch vụ cần thiết để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Thực hiện một số giao dịch thí điểm phát hành trái phiếu tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh song song với việc xây dựng khuôn khổ pháp lý. Việt Nam không thể trì hoãn việc nâng cấp các cơ sở hạ tầng quan trọng để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ hậu WTO đầy cạnh tranh.
- **Củng cố các luật then chốt để hỗ trợ đầu tư và phát triển doanh nghiệp:** Ban hành một số luật chủ chốt, như Luật Thủ tục Hành chính để nâng cao chất lượng và tính bình đẳng của việc ra các quyết định hành chính cơ bản; Luật Khiếu Nại và Tố cáo sửa đổi nhằm cải thiện việc giải quyết khiếu nại về các quyết định hành chính; Luật về phá sản, sáp nhập và mua lại, để cho phép các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động một cách hiệu quả hơn trong nền kinh tế toàn cầu ngày càng cạnh tranh.

Việc tiến hành các khuyến nghị này cũng như các biện pháp cải cách khác trong tương lai sẽ hỗ trợ các tỉnh tiếp tục thực hiện các cải cách về đầu tư và kinh doanh theo định hướng thị trường.

II. THẢO LUẬN

Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam sau khi Luật Doanh nghiệp ra đời năm 1999 đã đạt được những thành tựu đáng kể. Luật này và những văn bản dưới luật đã giảm bớt và đơn giản hóa nhiều thủ tục, giấy phép, giấy phép con, các yêu cầu hành chính... mà doanh nghiệp phải tuân thủ. Có thể nói về khía cạnh này thì Luật Doanh nghiệp năm 1999 là một sự thành công lớn. Tuy vậy, mặc dù có sự cải tiến trong các thủ tục hành chính dành cho doanh nghiệp, một thực tế chung là các thủ tục, giấy phép, giấy phép con, các yêu cầu... mà doanh nghiệp buộc phải tuân thủ vẫn nhiều hơn mức cần thiết và tăng lên rất nhiều trong vòng 2,3 năm trở lại đây. Các văn bản luật, nghị định, thông tư, quyết định mới thường bao gồm các điều khoản thừa, chồng chéo và không cần thiết, tạo gánh nặng cho doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư sửa đổi ban hành năm 2005 đã không thực sự có hiệu quả trong việc giải quyết vấn đề này.

Mặc dù có sự nhất trí chung rằng cải cách hành chính⁴ là cần thiết để Việt Nam có thể cạnh tranh trong môi trường WTO, nhưng chưa có một chiến lược tổng thể rõ ràng về việc làm thế nào để đạt được các mục tiêu đó. Ngoài ra, cho đến thời điểm hiện tại, những tranh luận về sự cần thiết của cải cách hành chính vẫn chưa có một cơ sở số liệu, dữ liệu hỗ trợ nào.

Kết quả điều tra PCI đã chỉ ra rõ nhu cầu cải tổ và đơn giản hóa thủ tục và các yêu cầu đối với doanh nghiệp. Kết quả điều tra PCI cũng khẳng định sự cần thiết và đúng đắn của các sáng kiến chính phủ đang thực hiện, bao gồm cả Kế hoạch Tổng thể về cải cách hành chính cũng như các sáng kiến cải cách hành chính công nói chung khác của Chính phủ. Mặc dù môi trường kinh doanh của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đã có cải

thiện đáng kể, vẫn còn rất nhiều việc phải làm như phần ghi nhận dưới đây rút ra từ số liệu điều tra PCI.

A. Những chuyên biến tích cực

1. Giảm chi phí gia nhập thị trường

Kết quả điều tra PCI cho thấy rằng chi phí gia nhập thị trường của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đã giảm xuống và không còn gây ra trở ngại đáng kể cho các doanh nhân có những ý tưởng kinh doanh tốt. Chỉ có một bộ phận nhỏ các doanh nhân (17%) cho rằng còn gặp khó khăn trong việc đăng ký thành lập doanh nghiệp và chỉ có 6,8% doanh nghiệp cần nhiều hơn 3 tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục cần thiết để bắt đầu kinh doanh⁵. Ngoài ra, một doanh nghiệp trung bình chỉ cần 3,3 loại giấy tờ chính thức (chứng chỉ, con dấu, giấy phép) để có thể đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Giảm số lần bị thanh tra, kiểm tra

Tương tự như vậy, có sự cải thiện đáng kể về thời gian dành cho việc tuân thủ các quy định sau khi thành lập. Số lượng trung bình các cuộc thanh tra mà một doanh nghiệp Việt Nam gặp phải là một lần trong một năm. Ấn tượng hơn nữa là con số này không vượt quá hai ở bất kỳ một tỉnh nào và 48% doanh nghiệp báo cáo rằng số lượng các cuộc thanh kiểm tra giảm từ khi áp dụng Luật doanh nghiệp 1999. Tương tự, chỉ có 18,5% doanh nghiệp cho rằng họ mất 10% thời gian trong tuần hoặc hơn để giải quyết các thủ tục giấy tờ hoặc tuân thủ các quy định về thủ tục giấy tờ của chính quyền.^{6 7}

3. Thái độ của cán bộ đối với doanh nghiệp được cải thiện

Thêm vào đó, khoảng 70% doanh nghiệp cho rằng thái độ của các cán bộ đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đã được cải thiện kể từ năm 2000⁸. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên vì có liên quan chặt chẽ tới những chuyên biến tích cực đã đề cập ở mục 1 và 2 ở trên.

B. Những thách thức còn tồn tại

1. Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin

Kết quả điều tra PCI cho thấy tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin công bằng vẫn là những trở ngại lớn cho doanh nghiệp. Trong khi một số tỉnh đã cải tiến việc tiếp cận thông tin kinh doanh qua trang web và văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư, một số tỉnh khác vẫn còn đang tụt hậu. Ví dụ chỉ có 26% số doanh nghiệp trong mẫu điều tra tin rằng có thể tiếp cận được các Kế hoạch Phát triển Tổng thể của Tỉnh; chỉ có 29% tin rằng các tài liệu kế hoạch hàng năm được công bố rộng rãi và một con số khiêm tốn 18% tin rằng họ có thể tiếp cận được các thông tin về quy hoạch cơ sở hạ tầng của tỉnh. Kết quả là phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam không có đủ thông tin để đánh giá rủi ro và chi phí cũng như các cơ hội kinh doanh. Làm sao doanh nghiệp có thể xem xét việc mở rộng quy mô khi họ không có đủ thông tin đáng tin cậy về các tuyến đường mới sẽ được xây dựng ở đâu, hoặc những khu đất nông nghiệp nào sẽ được chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất sản xuất? Một số tỉnh như Vĩnh Phúc đang cố gắng giải quyết vấn đề này bằng cách nỗ lực cung cấp những tài liệu hữu ích cho các doanh nghiệp trên trang web. Thành phố Hồ Chí Minh công bố kế hoạch phát triển đô thị và các văn bản cần thiết về đăng ký kinh doanh trên trang web. Tuy nhiên như các con số trên cho thấy, phần lớn các tỉnh còn thiếu minh bạch.

Một loại thông tin nữa mà các doanh nghiệp cần để đưa ra các quyết định kinh doanh hợp lý là các thay đổi đã hoặc sẽ được áp dụng trong các luật, quy định, thủ tục của địa phương và quốc gia. Về khía cạnh này, thông tin cũng không được công bố đầy đủ ở cấp địa phương. Chỉ có 6,6% doanh nghiệp tin rằng họ có thể dự đoán được khi nào các luật ở cấp trung ương sẽ được áp dụng ở tỉnh và chỉ có 7% tin rằng chính quyền địa

phương đã thảo luận đầy đủ về các thay đổi chính sách của nhà nước. Các cuộc gặp gỡ thường xuyên với doanh nghiệp có thể giúp cải thiện kênh thông tin và cung cấp cho chính quyền địa phương thông tin để đơn giản hóa và cải thiện thủ tục hành chính nhằm giảm thiểu tính tùy tiện trong việc áp dụng luật. Ngược lại với phần lớn các tỉnh và địa phương mà thông tin thiếu minh bạch, Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai đã có phần ‘Hỏi đáp’ trên báo địa phương và trang web tỉnh để tập hợp và giải quyết các câu hỏi và thắc mắc của doanh nghiệp.

Đáng tiếc là dữ liệu điều tra cho thấy một thực tế ngày càng rõ là một nhóm các doanh nghiệp tư nhân có thể sử dụng quan hệ cá nhân để có được những thông tin quan trọng đối với hoạt động kinh doanh. Hơn một nửa số doanh nghiệp cho rằng quan hệ là cần thiết để tiếp cận thông tin pháp lý (56%) và 57% cho rằng các mối quan hệ gia đình và bạn bè là vô cùng quan trọng để làm việc với chính quyền địa phương. Khi một nhóm doanh nhân có lợi từ những đặc quyền thông tin ‘nội bộ’ do quan hệ chứ không phải do sự nhạy cảm về kinh doanh, điều này không dự báo một sự phát triển kinh tế lành mạnh trong tương lai. Để tránh điều này xảy ra, các cấp chính quyền cần phải cung cấp thông tin bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp, nhờ đó các doanh nghiệp ưu tú nhất, hiệu quả nhất có điều kiện vươn lên, chứ không phải là những doanh nghiệp có quan hệ quen biết.

3. Cơ sở luật pháp cần thiết để tăng cường tài chính cho chính quyền tỉnh và địa phương

Ngay cả với một kế hoạch tổng thể tốt và minh bạch, chính quyền các tỉnh vẫn gặp khó khăn trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng và các dịch vụ liên quan do thiếu tài chính. Cơ sở hạ tầng hiện đại là điều kiện thiết yếu để thu hút đầu tư, duy trì tăng trưởng bền vững và năng suất lao động cao. Những tỉnh thành lớn nhất như Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội đang thiếu lần lượt khoảng 24 tỷ USD và 6 tỷ USD để đáp ứng các yêu cầu về cơ sở hạ tầng theo như quy hoạch tổng thể đã vạch ra, bao gồm việc xây mới đường xá, cầu, nhà máy điện, cảng, các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường cũng như các cơ sở hạ tầng khác để hỗ trợ tăng trưởng và đầu tư. Bản thân các chính quyền địa phương không thể đáp ứng được nhu cầu đầu tư khoảng hơn 100 tỷ USD vào cơ sở hạ tầng nếu chỉ dựa vào các nguồn tài chính công hiện có gồm ngân sách nhà nước, hỗ trợ phát triển chính thức, hoặc trái phiếu chính phủ có bảo lãnh.

Các nhà hoạch định chính sách quốc gia có thể đóng vai trò quan trọng trong việc sửa đổi các văn bản luật hiện hành để cho phép việc phát hành trái phiếu công trình không có bảo lãnh thông qua Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HASTC) để huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước để xây dựng cơ sở hạ tầng của các tỉnh. Việc phát hành trái phiếu gộp cho một nhóm tỉnh trong cùng một đợt có thể cho phép những tỉnh nghèo và ở vùng xa có thể thu hút vốn để xây dựng các cơ sở hạ tầng rất cần thiết cho việc thu hút đầu tư ngoài quốc doanh vào sản xuất, nông nghiệp, du lịch và các dịch vụ cần sử dụng nhiều lao động để đảm bảo sự phát triển đồng đều giữa các khu vực trong cả nước

2. Giải quyết tranh chấp

Kết quả điều tra cho thấy có sự thiếu tin tưởng vào hệ thống tòa án như là một cơ chế giải quyết tranh chấp. Chỉ có 20% doanh nghiệp Việt Nam lựa chọn tòa án là giải pháp hàng đầu, thứ hai hoặc thứ ba trong việc giải quyết tranh chấp với các doanh nghiệp khác hoặc với cơ quan chính quyền địa phương, và chỉ có 1,6% doanh nhân nhìn nhận giải pháp tòa án là lựa chọn đầu tiên. Đây không chỉ là một nhận định cảm tính mà nếu nhìn vào hành vi thực tế của doanh nghiệp, thì trong năm 2006 các cá nhân và doanh nghiệp trong khu vực tư nhân chỉ nộp đơn ra tòa 1.170 vụ trên cả 64 Tòa án kinh tế

nhân dân các tỉnh, thực sự là con số quá nhỏ bé so với số lượng doanh nghiệp và quy mô dân số của Việt Nam.⁹

Việc thiếu sự tin tưởng vào các cơ quan pháp luật là một điểm yếu cần phải nhìn nhận của nền kinh tế Việt Nam khi đất nước đang tiến lên trên hai lĩnh vực cải cách. Thứ nhất là gia tăng hội nhập toàn cầu (được minh chứng bằng việc trở thành thành viên WTO) sẽ đưa các doanh nghiệp Việt Nam vào các mối quan hệ kinh doanh với nhiều đối tác tham gia - những đối tác mà các doanh nghiệp không biết rõ nhân thân của họ. Do vậy, các doanh nghiệp không thể sử dụng các quan hệ xã hội để thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp như hiện nay họ vẫn làm. Một hệ thống giải quyết tranh chấp kịp thời và công bằng sẽ ngày càng trở nên cần thiết để xét xử các tranh chấp hợp đồng. Thứ hai, Luật Doanh nghiệp năm 1999 đã chuyển đổi Việt Nam từ hệ thống cấp phép kinh doanh "xin - cho" sang hệ thống đăng ký kinh doanh quản lý bằng các quy định. Các doanh nghiệp giờ đây không cần phải xin phép mới được làm kinh doanh, họ chỉ cần chính thức hóa hoạt động của họ để các cơ quan chức năng địa phương có thể quản lý được. Trong một hệ thống quản lý theo quy định, tòa án rất quan trọng vì nó là cách chủ yếu để các doanh nghiệp tư nhân có thể kháng lại các quyết định của các cơ quan quản lý trung ương và địa phương. Là hệ quả tất yếu của hai xu hướng trên, hệ thống tòa án cần được củng cố và các thẩm phán phải được đào tạo tốt hơn để nâng cao năng lực của tòa án trong việc giải quyết tranh chấp và nâng cao hình ảnh của tòa án là tổ chức có đủ tín nhiệm. Đồng thời, hệ thống trọng tài thương mại cũng cần phải được chú trọng như là một công cụ giải quyết tranh chấp kinh tế giữa các đối tác thương mại. Tuy vậy, một hệ thống tòa án đáng tin cậy và có hiệu quả vẫn là yếu tố rất cần thiết để đảm bảo tính hiệu lực của hệ thống trọng tài.

4. Vấn đề đất đai

Mặc dù dữ liệu điều tra PCI cho thấy việc tiếp cận đất đai của các doanh nghiệp đã được cải thiện và số ngày cần thiết để có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (LURCs) và đàm phán với người sở hữu ban đầu đã giảm đi, nhưng vẫn còn những tồn tại trong lĩnh vực này. Số ngày để có LURCs trung bình là 143 ngày, và 125 ngày để hoàn thành đàm phán. Thêm vào đó 65% doanh nghiệp cho rằng việc tiếp cận đất đai bị hạn chế đã cản trở khả năng mở rộng kinh doanh của họ. Mặc dù đã được cải thiện khoảng 6% so với kết quả điều tra năm 2005, nhưng vấn đề đất đai vẫn là một trở ngại lớn cho sự tăng trưởng của khu vực tư nhân. Cuối cùng, và có thể là vấn đề khiến các doanh nghiệp lo lắng nhất, 51% doanh nghiệp đánh giá khả năng mất đất là cao hoặc rất cao, cho thấy rằng mặc dù việc tiếp cận đất đai được cải thiện nhưng sự đảm bảo về quyền sử dụng đất còn rất thấp.

Dữ liệu khảo sát PCI cho thấy rằng cần có những cải cách hơn nữa để tăng sự tiếp cận đất đai cũng như sự đảm bảo về quyền sử dụng đất để giúp cho khu vực tư nhân tăng trưởng hơn nữa. Thêm vào đó, vai trò của nhà nước trong việc tiếp cận đất đai cần phải được xem xét lại để thúc đẩy sự phát triển của một thị trường bất động sản hoạt động có hiệu quả và theo mô hình hiện đại, đảm bảo việc tiếp cận đất đai của các doanh nghiệp mới hoặc các doanh nghiệp hiện có đang muốn mở rộng kinh doanh, cũng như tăng cường cơ sở luật pháp về thực thi các quyền về đất đai theo hợp đồng.

III. CÁC KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Những kết quả rút ra từ dữ liệu khảo sát PCI sẽ gợi ý cho các nhà hoạch định chính sách quốc gia để tăng cường và thúc đẩy các cải cách đang được triển khai và thực hiện các sáng kiến mới nhằm đạt được những kết quả sâu sắc hơn trong khoảng thời gian ngắn hơn tại tất cả các tỉnh thành. Các khuyến nghị dưới đây bao gồm những sáng kiến trong ngắn hạn và dài hạn. Chúng tôi cũng đề xuất phương thức mà VNCI, dự án STAR do

USAID tài trợ và các dự án phát triển khác có thể hỗ trợ chính quyền địa phương và trung ương trong việc thực hiện các sáng kiến này.

Các khuyến nghị:

- **Thực hiện cải cách các quy định và thủ tục về kinh doanh:** Thực hiện cải cách một cách rộng rãi và kiên quyết trong một năm để đơn giản hóa và hợp lý hóa các thủ tục hành chính, các hình thức và yêu cầu kinh doanh, loại bỏ các quy định, thủ tục (a) không hợp pháp hoặc không có cơ sở luật pháp rõ ràng (b) không còn phù hợp bởi vì những luật/pháp lệnh ‘cũ’ đã được xóa bỏ hoặc sửa đổi (c) không phục vụ mục đích chính đáng của cộng đồng; (d) không hỗ trợ doanh nghiệp (e) không nhất quán với các cam kết WTO hoặc các cam kết hiệp định quốc tế khác (f) không phù hợp với một nền kinh tế định hướng thị trường. Cần phải thúc đẩy đơn giản hóa bằng cách tăng cường tính minh bạch và giảm sự tùy tiện trong việc áp dụng các thủ tục và yêu cầu. Việc này có thể đạt được một cách nhanh chóng thông qua công cụ gọi là ‘Máy xén chính sách’ đã được thực hiện khá thành công trên một số nước.¹⁰
- **Giới thiệu hệ thống đánh giá tác động quy định pháp luật (RIA):** Đưa vào Luật sửa đổi về Ban hành Văn bản Quy phạm Pháp luật yêu cầu thực hiện RIA cho tất cả các văn bản quy phạm pháp luật mới liên quan đến các hoạt động kinh tế và kinh doanh, đồng thời xây dựng năng lực cho các bộ ngành và các cơ quan ở cấp trung ương trong việc thực hiện phân tích chi phí/lợi ích kinh tế và tính hiệu quả của các dự thảo quy định nhằm định hướng cho việc lập chính sách. Tiếp theo là sửa đổi Luật Ban hành Văn bản Quy phạm Pháp luật ở cấp Địa phương để yêu cầu áp dụng RIA đối với tất cả các văn bản quy phạm pháp luật mới có ảnh hưởng tới các doanh nghiệp và xây dựng năng lực thực hiện RIA ở cấp địa phương. Trong ngắn hạn, thí điểm áp dụng RIA đối với một số luật và quy định ảnh hưởng đến doanh nghiệp đồng thời xây dựng năng lực của các bộ ngành liên quan và Quốc hội.
- **Phát hành trái phiếu công trình không có bảo lãnh ở cấp địa phương:** Hỗ trợ các tỉnh thành phát hành trái phiếu công trình không có bảo lãnh để tài trợ cho các công trình xây dựng đường có thu lệ phí và các công trình cơ sở hạ tầng có tạo ra doanh thu, đồng thời rà soát và sửa đổi các luật liên quan để trái phiếu này được giao dịch trên thị trường vốn nhằm hỗ trợ tài chính công cho chính quyền địa phương. Trong ngắn hạn, thực hiện các giao dịch thí điểm về trái phiếu công trình không có bảo lãnh tại các tỉnh được lựa chọn trên cơ sở cam kết của chính quyền địa phương, khả năng quản lý quỹ, khả năng tuân thủ các yêu cầu minh bạch và công bố thông tin, khả năng làm việc với chính quyền trung ương trong việc xem xét các thay đổi cần thiết trong các luật liên quan.
- **Củng cố các luật chính để hỗ trợ đầu tư và phát triển doanh nghiệp:**
 - Ban hành Luật Thủ tục hành chính để nâng cao chất lượng và tính công bằng của việc ra các quyết định hành chính cơ bản và Luật Khiếu Nại Tố cáo mới để cải thiện hơn việc giải quyết khiếu nại về các quyết định hành chính, có thể bằng việc quy định thành lập các tòa án hành chính độc lập để tiếp nhận và giải quyết các tranh chấp với các cơ quan chính phủ.
 - Sửa đổi các luật và quy định liên quan đến sáp nhập và mua lại.
 - Sửa đổi Luật Phá sản cho phù hợp với những thực tiễn quốc tế tốt nhất.

Các khuyến nghị chính sách về cải cách quốc gia nói trên sẽ giúp cải thiện môi trường kinh doanh tại tất cả các tỉnh để khuyến khích thương mại và đầu tư, và kết quả là tăng trưởng đồng đều. Thành công tại mỗi tỉnh thành vẫn còn phụ thuộc vào khả năng lãnh đạo và năng lực của các cơ quan quản lý trong việc hợp tác với chính quyền trung ương,

khu vực ngoài quốc doanh và các tổ chức chính trị xã hội khác để đạt được các mục tiêu kinh tế xã hội.

Ghi chú:

¹ Dự án Sáng kiến cạnh tranh Việt Nam (VNCI) là dự án tăng trưởng kinh tế do USAID tài trợ được thiết kế để nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu này, VNCI tập trung vào hỗ trợ việc thực hiện cải cách môi trường thể chế kinh doanh ở cấp quốc gia và địa phương. Bài viết này do Tiến sỹ Edmund Malesky, nhà nghiên cứu chính về PCI, Helle Weeke và Đỗ Lê Thu Ngọc của VNCI, và Bryanna Millis của DAI thực hiện. Bài viết này cũng có sự đóng góp của Jim Winkler, Đoàn Tiến Giang và Janice Stallard của VNCI.

² Để rút ra những hệ quả của khảo sát PCI phục vụ cho mục đích chính sách quốc gia, chúng tôi tập hợp trên phạm vi toàn quốc từng phản hồi về các câu hỏi và sử dụng trọng số theo tỷ lệ dân số từng tỉnh

³ Regulatory Guillotine là nhãn hiệu đăng ký của Jacobs & Đồng sự.

⁴ Trong bối cảnh sáng kiến cải cách thể chế, ‘quy định’, ‘thủ tục’ và ‘yêu cầu’ được hiểu chung là ‘các thủ tục hoặc hình thức yêu cầu doanh nghiệp (hoặc công dân) giao dịch với các cơ quan chính phủ’.

⁵ Trung bình, các doanh nghiệp cần 22,3 ngày kể từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc việc đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, còn các doanh nghiệp đăng ký lại doanh nghiệp hiện thời do thay đổi hình thức kinh doanh mất 12 ngày

⁶ Có một số cảnh báo: có một số bằng chứng rằng một số cán bộ địa phương đã thay nhiều cuộc điều tra xuống thành một cuộc thanh tra với thời lượng dài hơn. Ví dụ, thời lượng trung bình của thanh tra thuế đã tăng từ khoảng 30 phút lên 6 giờ 10 phút. Tuy nhiên, sự phát triển này là tích cực vì nó phản ánh sự thật là tại rất nhiều địa phương có sự phối hợp thanh tra giữa các cán bộ nên thường kéo dài hơn. Nhưng cũng có thể, có khả năng lạm dụng ở đây vì số giờ tăng quá nhiều. Xu hướng này cần phải được theo dõi cẩn thận.

⁷ Liên hệ mật thiết với việc doanh nghiệp phải trả tiền không chính thức cho các cán bộ. Trong khi chỉ có 35% doanh nghiệp cho rằng tham nhũng cản trở doanh nghiệp, khi xem xét kỹ hơn các số liệu cho thấy nhiều điều đáng lo ngại. Hơn 74% doanh nghiệp tin rằng việc doanh nghiệp kinh doanh trả tiền không chính thức cho cán bộ là bình thường. 52% doanh nghiệp tin rằng các cán bộ sử dụng việc tuân thủ các quy định kinh doanh để trục lợi và 65% doanh nghiệp phản nản rằng việc đàm phán với cơ quan thuế là cần thiết trong kinh doanh, ngay cả khi cũng không có nhiều kẽ hở trong luật thuế GTGT. Doanh thu từ thuế GTGT nên được đầu tư trực tiếp vào cơ sở hạ tầng và các dịch vụ xã hội nhưng biến mất ở đâu đó.

⁸ Mặc dù 60% doanh nghiệp cho rằng thái độ của các cán bộ địa phương đối với doanh nghiệp phụ thuộc vào mức độ đóng góp doanh thu của doanh nghiệp cho ngân sách địa phương.

⁹ Nghiên cứu PCI về vấn đề này tương quan chặt chẽ với Các chỉ số kinh doanh tại Việt Nam của Ngân hàng Thế giới, theo đó Việt Nam đứng thứ 170/175 về bảo vệ pháp luật cho nhà đầu tư và 94/175 về thực hiện hợp đồng.

¹⁰ Các nước bao gồm Hàn Quốc, Croatia, Mehicô, Ucraina, Moldova, Hungary và các nước khác.